

Thuốc trị loét dạ dày, tá tràng
Hỗn dịch uống VAROGEL®

THÀNH PHẦN: Mỗi gói 10 mL chứa:

- **Hoạt chất:**
Nhôm hydroxid gel tương đương 0,4g Nhôm oxid
Magnesi hydroxid 30% paste tương đương 0,8004g Magnesi hydroxid
Simethicon 30% emulsion..... tương đương 0,08g Simethicon
- **Tá dược:** Dung dịch D-Sorbitol 70%, Xanthan gum, xylitol, cao Glycyrrhiza, povidon K30, Avicel 591, Stevion 100S, chlorhexidin acetat, malt flavor, peppermint flavor, ethanol, nước tinh khiết.
- *** Tá dược của Nhôm hydroxid gel, Magnesi hydroxid 30% paste và Simethicon 30% emulsion:** Natri hypochlorit, natri methyl paraben, natri propyl paraben, acid benzoic, bronopol, polyethylen glycol sorbitan tristearat, methylcellulose, dimethyl siloxan, hydroxyl-terminated, polyethylen glycol stearat, glycerides, C14-18, mono- và di-, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHẾ: Hỗn dịch uống

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Gói 10 mL. Hộp 20 gói.

CHỈ ĐỊNH

- Viêm loét dạ dày – tá tràng cấp, mạn tính.
- Triệu chứng tăng tiết acid dạ dày (nóng rát, ợ chua ...), hội chứng dạ dày kích thích.
- Trào ngược dạ dày – thực quản.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

- 1) *Viêm loét dạ dày – tá tràng cấp, mạn tính: Người lớn:* 10mL (1 gói) x 2 – 4 lần/ngày.
- 2) *Triệu chứng tăng tiết acid dạ dày (nóng rát, ợ chua ...), hội chứng dạ dày kích thích, trào ngược dạ dày – thực quản:*
Người lớn: 10 mL (1 gói) x 2 – 4 lần/ngày.
Uống giữa các bữa ăn hoặc sau khi ăn 30 phút – 2 giờ, buổi tối trước khi đi ngủ hoặc khi có triệu chứng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh nhân suy thận nặng.
- Bệnh nhân giảm phosphat máu.
- Bệnh nhân tăng magnesi máu.
- Trẻ nhỏ, đặc biệt ở trẻ bị mất nước hay trẻ bị suy thận.

SỬ DỤNG THẬN TRỌNG

- Sử dụng đúng liều lượng và cách dùng.
- Nếu sau 2 tuần các triệu chứng không cải thiện thì phải hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Không dùng quá 6 gói/ngày mà không có chỉ định của bác sĩ.
- Thận trọng ở người bị suy tim sung huyết, suy thận, phù, xơ gan, chế độ ăn ít natri và với người mới bị chảy máu đường tiêu hóa.
- Người cao tuổi, do bệnh tật hoặc do điều trị thuốc có thể bị táo bón và phân rắn. Cần thận trọng về tương tác thuốc.
- Kiểm tra định kỳ nồng độ phosphat trong quá trình điều trị lâu dài.

SỬ DỤNG Ở PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Nhìn chung các thuốc antacid được coi là an toàn, miễn là không dùng lâu dài và liều cao. Đã có thông báo tác dụng phụ như tăng hoặc giảm magnesi máu, tăng phản xạ gân ở bào thai và trẻ sơ sinh, khi người mẹ dùng thuốc magnesi antacid lâu dài, đặc biệt là với liều cao.
- Chưa tài liệu nào ghi nhận tác dụng phụ của thuốc, tuy thuốc có thải trừ qua sữa nhưng chưa đủ để gây tác dụng phụ cho trẻ em bú sữa mẹ.

SỬ DỤNG Ở TRẺ EM

Chưa có tài liệu nghiên cứu

TÁC ĐỘNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Varogel không ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng chung với các thuốc tetracyclin, digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, allopurinol, benzodiazepin, corticosteroid, penicilamin, phenothiazin, ranitidine, ketoconazol, itraconazol, ... có thể làm giảm hấp thu các thuốc này. Cần uống các thuốc này cách xa thuốc Varogel.

TÁC DỤNG PHỤ

Varogel nói chung không có tác dụng phụ táo bón hay tiêu chảy nhờ sự phối hợp hài hòa giữa nhôm và magnesi hydroxid.

- Thường gặp: Táo bón, chát miệng, cứng bụng, phân rắn, buồn nôn, nôn, phân trắng.
- Giảm phosphat máu đã xảy ra khi dùng thuốc kéo dài hoặc liều cao. Ngộ độc nhôm, nhuyễn xương có thể xảy ra ở người bệnh có hội chứng urê máu cao.
- Nhuyễn xương, bệnh não, sa sút trí tuệ và thiếu máu hồng cầu nhỏ đã xảy ra ở người suy thận mạn tính dùng nhôm hydroxid làm tác nhân gây đỉnh kết phosphat.

Thông báo cho bác sĩ các tác dụng phụ gặp phải khi dùng thuốc

ĐƯỢC LỰC HỌC

- **Varogel** là thuốc kháng acid có thành phần nhôm hydroxid, magnesi hydroxid và simethicon. Nhôm hydroxid và Magnesi hydroxid tan trong acid dịch vị, giải phóng các anion có tác dụng trung hòa acid dạ dày, hoặc làm chất đệm cho acid dạ dày, nhưng không tác động đến sự sản sinh ra dịch dạ dày. Thuốc làm giảm triệu chứng tăng acid dạ dày, giảm độ acid trong thực quản và làm ức chế tác dụng tiêu protid của men pepsin; tác dụng này rất quan trọng ở người bệnh loét dạ dày. Magnesi hydroxid còn có tác dụng nhuận tràng nên làm giảm tác dụng gây táo bón của nhôm hydroxid.
- Simethicon là một chất khử khí không có hệ thống, nó làm thay đổi sức căng bề mặt của các bóng hơi trong hệ tiêu hóa. Các bong bóng khí được chia nhỏ hoặc kết hợp lại và khí này được loại bỏ dễ dàng qua sự ợ hơi hoặc trung tiện.

ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

- Nhôm hydroxid tan chậm trong dạ dày và phản ứng với acid hydrochloric để tạo thành Nhôm clorid và nước. Khoảng 17 – 30% nhôm clorid tạo thành được hấp thu và nhanh chóng thải trừ qua thận ở bệnh nhân có chức năng thận bình thường.
- Magnesi hydroxid nhanh chóng phản ứng với acid hydrochloric để tạo thành Magnesi clorid và nước. Khoảng 15 – 30% magnesi clorid tạo thành được hấp thu và nhanh chóng thải trừ qua thận ở những bệnh nhân có chức năng thận bình thường.
- Simethicon là 1 chất trơ về mặt sinh lý học, nó không bị hấp thu qua đường tiêu hóa hay làm cản trở sự tiết acid dạ dày hay sự hấp thu các chất dinh dưỡng. Sau khi uống, thuốc được thải trừ ở dạng không đổi trong phân.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Các triệu chứng quá liều bao gồm buồn nôn, nôn, kích thích tiêu hóa, tiêu chảy/ táo bón. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

KHUYẾN CÁO

- **Để xa tầm tay trẻ em.**
- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.**

BẢO QUẢN: Trong bao bì kín, ở nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN SỬ DỤNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS



CTY TNHH DP SHINPOONG DAEWQO

Nhà máy: Số 13, Đường 9A KCN Biên Hòa 2, Đồng Nai, Việt Nam
Văn phòng: Phòng 05-07, Lầu 9, Tòa nhà Everrich 1
Số 968 Đường 3-2, Phường 15, Quận 11, TP. HCM